

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2023/DS-ST

Ngày: 30-3-2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Vũ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Lâu**

2. Ông **Nguyễn Văn Dục**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Cao Trần Khắc Huy** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.**

Ngày 30 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 607/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị L** sinh năm: 1967

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Bùi Quang N**, sinh năm: 1956. Địa chỉ: số 461A, tổ K, khu L, thị trấn M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 11 năm 2022).

2. **Bị đơn:** Bà **Cao Thị B** sinh năm: 1961

Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện C, tỉnh Tiền Giang

(Ông N xin vắng mặt, bà B có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 11 năm 2022, biên bản hòa giải ngày 08 tháng 02 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn bà Nguyễn Thị L là ông Bùi Quang N trình bày: Vào ngày 25 tháng 12 năm 2017 bà Nguyễn Thị L có cho bà Cao Thị B vay số tiền 105.000.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, khi vay có làm biên nhận. Đoạn trên của biên nhận do bà L viết, đoạn giữa bà B ký và viết tên, đoạn cuối do cháu nội bà B là chị Dương Thị Trúc L viết và ký tên. Sau khi vay bà B không có trả lãi và vốn cho bà L nên bà L có nhiều lần yêu cầu bà B trả tiền nhưng bà B không trả. Nay bà L xác định bà B còn nợ bà L số tiền 105.000.000

đồng, bà yêu cầu bà B trả số tiền 105.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền 105.000.000 đồng với mức lãi suất theo quy định từ ngày 25 tháng 12 năm 2017 đến ngày xét xử, yêu cầu vốn lãi trả làm 01 lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại tờ tự khai ngày 05 tháng 02 năm 2023, biên bản hòa giải ngày 08 tháng 3 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Cao Thị B trình bày: Vào đầu năm 2017 bà có vay bà Nguyễn Thị L số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất là 500.000 đồng/01 ngày, bà có hứa khoảng 05 đến 06 ngày sau bà sẽ trả lại bà L 50.000.000 đồng nhưng đến nay chưa trả. Đến ngày 25 tháng 12 năm 2017 bà có đến nhà ông A, do sợ bà L không cho về nên bà có viết và ký tên trong biên nhận nợ số tiền 105.000.000 đồng ở đoạn giữa, bà xác định đây là chữ viết, chữ ký của bà còn đoạn trên biên nhận do bà L viết, đoạn dưới do cháu bà là chị Dương Thị Trúc L viết và ký tên. Sau khi vay bà có trả cho bà L 04 lần tiền vốn tổng cộng là 24.500.000 đồng nhưng khi trả bà và bà L không có làm giấy tờ gì, bà không có trả lãi cho bà L lần nào. Nay bà xác định còn nợ bà L số tiền 25.500.000 đồng, bà đồng ý trả bà L 25.500.000 đồng cho bà L trong vòng 03 năm cho đến khi hết số tiền 25.500.000 đồng. Bà không đồng ý trả bà L 105.000.000 đồng và tiền lãi.

Tại phiên tòa bà B vẫn giữ nguyên ý kiến như trên, ông N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông N là phù hợp Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện bà Cao Thị B về việc vay tiền, bà B cư trú tại ấp X, xã Y, huyện C, tỉnh Tiền Giang do đó Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị L yêu cầu Cao Thị B trả tiền vay còn nợ nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[3] Về nội dung: Giữa bà Nguyễn Thị L và bà Cao Thị B thực tế có xảy ra quan hệ vay tài sản với nhau được ông Bùi Quang N là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L và bà B thừa nhận. Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà L cung cấp “Biên nhận” ngày 25 tháng 12 năm 2017, có chữ ký tên của bà B. Biên nhận có nội dung: “Tôi Tên Cao Thị B Sinh năm 1961 SCM 310535975 cấp ngày 05/05/2011 Hiện ngụ tại ấp X xã Y CB, TG Có mượn của bà Nguyễn Thị L số tiền 105000000 (1 trăm lẻ năm mươi triệu đồng)...Tôi Cao Thị B có nhận số tiền một trăm lẻ năm triệu...”. Tuy nhiên bà B chỉ thừa nhận vay tiền của bà L 50.000.000 đồng, đã trả được cho bà L 04 lần tiền vốn tổng cộng 24.500.000 đồng chỉ còn nợ lại bà L số tiền 25.500.000 đồng, bà đồng ý trả bà L 25.500.000 đồng nhưng xin trả dần trong vòng 03 năm đến khi hết số

tiền 25.500.000 đồng. Ông N là người đại diện theo ủy quyền của bà L không đồng ý đối với số tiền nợ bà B trình bày là 25.500.000 đồng, ông xác định bà B nợ bà L số tiền 105.000.000 đồng nên yêu cầu bà B trả bà L 105.000.000 đồng và trả lãi của số tiền này từ ngày 25 tháng 12 năm 2017 đến ngày xét xử. Tại phiên tòa, bà B thừa nhận có ký tên trong biên nhận ngày 25 tháng 12 năm 2017 do bà L cung cấp, biên nhận cũng thể hiện bà B vay bà L 105.000.000 đồng chứ không phải 50.000.000 đồng như bà B trình bày. Bà B cũng không có chứng cứ chứng minh bà vay bà L 50.000.000 đồng và cũng không có gì chứng minh bà đã trả cho bà L 04 lần tiền vốn là 24.500.000 đồng nên lời trình bày của bà là không phù hợp. Do đó, xác định bà B còn nợ bà L số tiền 105.000.000 đồng là phù hợp lời trình bày của ông N đại diện theo ủy quyền của bà L và phù hợp chứng cứ mà bà L cung cấp. Xét thấy, bà B đã nhận được quyền của mình là nhận tiền vay đầy đủ từ bà L nhưng bà B lại không thực hiện việc trả tiền theo thỏa thuận mà cứ hên lần mặc dù bà L đã nhiều lần yêu cầu bà B trả nợ là có tình kéo dài thời gian làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L. Do đó, cần buộc bà B phải có nghĩa vụ trả bà L số tiền vay còn nợ 105.000.000 đồng (một trăm lẻ năm triệu đồng) làm 01 lần là phù hợp điều 466 Bộ luật dân sự.

[Về lãi suất]: Ông Bùi Quang N là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L yêu cầu bà Cao Thị B trả lãi của số tiền 105.000.000 đồng với mức lãi suất theo quy định từ ngày 25 tháng 12 năm 2017 đến ngày xét xử. Bà B không đồng ý trả lãi theo yêu cầu bà L. Xét thấy, bà B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên phải trả lãi theo yêu cầu bà L là phù hợp Điều 466 Bộ Luật dân sự năm 2015. Như vậy, lãi suất của số tiền 105.000.000 đồng từ ngày 25 tháng 12 năm 2017 đến ngày xét xử (ngày 30 tháng 3 năm 2023) là 75 tháng 05 ngày, số tiền là 65.362.500 đồng.

[5] Tổng cộng tiền vốn và lãi bà B phải trả cho bà L 01 lần là 170.362.500 đồng (một trăm bảy mươi triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).

[6] Về án phí: Bà Cao Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của bà L được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

1.1 Buộc bà Cao Thị B phải có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị L số tiền vay vốn lãi là 170.362.500 đồng (một trăm bảy mươi triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) trả làm 01 lần.

1.2 Kể từ ngày bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Cao Thị B chậm thi hành đối với số tiền trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

2.1 Bà Cao Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.518.000 đồng (tám triệu năm trăm mười tám nghìn đồng).

2.2 Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà L 5.125.000 đồng (năm triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010669 ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Cao Thị B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với bà L thời hạn kháng cáo bản án trên được tính kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Vũ

